

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Công nhận danh sách sinh viên thuộc đối tượng
hỗ trợ chi phí học tập học kỳ 2, năm học 2025 – 2026
theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Nguyên;

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;
Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;*

Căn cứ Thông tư số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC, ngày 15/10/2015 hướng dẫn một số điều của quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ, quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2003/QĐ-ĐHTN ngày 05/11/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc Ban hành Quy chế công tác sinh viên hệ chính quy Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ kết luận cuộc họp ngày 17/3/2026 của Hội đồng xét hồ sơ hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên Trường Đại học Tây Nguyên,

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 195 (Một trăm chín mươi lăm) sinh viên (có danh sách kèm theo) thuộc đối tượng hỗ trợ chi phí học tập học kỳ 2, năm học 2025 – 2026 theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Mức cấp và thời gian cấp, theo qui định hiện hành:

- Thời gian cấp: từ tháng 01/2026 đến hết tháng 5/2026;
- Mức cấp: 60% mức lương cơ sở/người/tháng.

Điều 3. Trưởng phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch tài chính, Trưởng các đơn vị có liên quan và 195 sinh viên có tên kèm theo danh sách tại **điều 1** chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT CNTT & TV (để đăng lên website Trường);
- Lưu: VT, KHTC (A.5b); CTSV (NA.2b).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS.TS Nguyễn Văn Nam

Phụ lục
DANH SÁCH SINH VIÊN THUỘC ĐỐI TƯỢNG HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2025 - 2026
Theo Quyết định Số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ
(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-ĐHTN, ngày tháng 3 năm 2026)

STT	Họ và tên	Dân tộc	Lớp	Khoa	Mã số sinh viên	Số tài khoản ngân hàng	Tên ngân hàng	Đối tượng (Dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo)
1	Hà Thị Nhung	Thái	Công nghệ Sinh học K2025	KHTN&CN	25313026	5200220439895	Agribank	DTTS, HNCN
2	Thào A Dũng	Mông	Công nghệ Thông tin K2025	KHTN&CN	25103017	5200220440445	Agribank	DTTS, HNCN
3	Đàm Phương Nam	Nùng	Công nghệ Thông tin K2025	KHTN&CN	25103052	5200220440711	Agribank	DTTS, HNCN
4	Nông Thế Lập	Tày	Công nghệ Thông tin K2025	KHTN&CN	25103044	5200220440655	Agribank	DTTS, HNCN
5	Lý Hồng Nhân	Nùng	Công nghệ Thông tin K22	KHTN&CN	22103046	5200220362719	Agribank	DTTS, HNCN
6	Mùa Thị BLồng	Mông	Công nghệ Thông tin K23	KHTN&CN	23103006	5200205956853	Agribank	DTTS, HNCN
7	Y Kuin Kbuôr	Ê đê	Công nghệ Thông tin K23	KHTN&CN	23103029	5200220376027	Agribank	DTTS, HNCN
8	Triệu Hải Yến Nhi	Nùng	SP Khoa học Tự nhiên K2024	KHTN&CN	24105028	5200220470627	Agribank	DTTS, HNCN
9	Lê Trần Bảo An	Đan Lai	SP Khoa học Tự nhiên K2024	KHTN&CN	24105001	5200220409439	Agribank	DTTS, HNCN
10	Nông Thị Hồng Hà	Nùng	SP Khoa học Tự nhiên K2024	KHTN&CN	24105008	5200220409576	Agribank	DTTS, HNCN
11	Bùi Thị Anh Thư	Mường	Sư phạm Sinh học K2025	KHTN&CN	25301015	5200220443154	Agribank	DTTS, HNCN
12	Nguyễn Thị Minh Phương	Thái	Sư phạm Toán học K2024	KHTN&CN	24101016	5200220404009	Agribank	DTTS, HNCN
13	Đặng Quang Hiếu	Thái	Sư phạm Toán học K22	KHTN&CN	22101012	5200220360208	Agribank	DTTS, HNCN
14	Y Diệu RNang	Mnông	Sư phạm Toán học K23	KHTN&CN	23101023	5200220373607	Agribank	DTTS, HNCN
15	Ksor Pdyuh	Jrai	Kế toán K2025	Kinh tế	25403094	5200220463609	Agribank	DTTS, HNCN
16	Hà Thị Như Ngọc	Tày	Kế toán K2025	Kinh tế	25403073	5200220463411	Agribank	DTTS, HNCN
17	Ninh Thanh Trang	Hoa	Kế toán K2025	Kinh tế	25403129	5200220463877	Agribank	DTTS, HNCN
18	Ninh Thanh Tâm	Hoa	Kế toán K23	Kinh tế	23403092	5200220382801	Agribank	DTTS, HNCN
19	Nông Thị Bích Vân	Tày	Kế toán Kiểm toán K2024	Kinh tế	24403145	5200220418380	Agribank	DTTS, HNCN
20	Ma Thị Thu Thủy	Tày	Kế toán Kiểm toán K2025	Kinh tế	25403117	5200220465548	Agribank	DTTS, HNCN
21	Kpă H' Iêng	Jrai	Kế toán Kiểm toán K2025	Kinh tế	25403036	5200220463095	Agribank	DTTS, HNCN
22	Vì Thị Hồng	Thái	Kế toán Kiểm toán K23	Kinh tế	23403037	5200220382217	Agribank	DTTS, HNCN
23	Nông Thị Mỹ Hạnh	Nùng	Kinh doanh Thương mại K2024	Kinh tế	24412020	5200220425406	Agribank	DTTS, HNCN
24	Sùng Mi Lòng	H'Mông	Kinh doanh Thương mại K2025	Kinh tế	25412032	5200220439338	Agribank	DTTS, HNCN
25	Rơ Mah H Thủy	Jrai	Kinh doanh Thương mại K2025	Kinh tế	25412058	5200220439590	Agribank	DTTS, HNCN
26	H Hằng Triêk	Mnông	Kinh tế K2024B	Kinh tế	24410134	5200220424505	Agribank	DTTS, HNCN

27	Hoàng Thị Thu Huyền	Tày	Kinh tế K2025A	Kinh tế	25410049	5200220465843	Agribank	DTTS, HNCN
28	Lữ Thoa BKrông	Mnông	Kinh tế K2025A	Kinh tế	25410010	5200220464145	Agribank	DTTS, HNCN
29	H - Mây Mlô	Ê đê	Kinh tế Nông nghiệp K2024	Kinh tế	24401025	5200220411243	Agribank	DTTS, HNCN
30	Nguyễn Kiều Mỹ Duyên	Tày	Kinh tế Nông nghiệp K2025	Kinh tế	25401010	5200220448010	Agribank	DTTS, HNCN
31	Y' Chiép Mlô	Ê đê	Kinh tế Nông nghiệp K2025	Kinh tế	25401042	5200220452500	Agribank	DTTS, HNCN
32	Hoàng Quốc Huy	Nùng	Kinh tế Phát triển K22	Kinh tế	22413030	5200220364693	Agribank	DTTS, HNCN
33	Giàng Thị Gầu	H'Mông	Kinh tế Phát triển K22	Kinh tế	22413006	5200220367712	Agribank	DTTS, HNCN
34	Hà Quốc Bảo	Thái	Quản trị Kinh doanh K2024A	Kinh tế	24402014	5200220411788	Agribank	DTTS, HNCN
35	Vương Thị Chi	Nùng	Quản trị Kinh doanh K2024A	Kinh tế	24402023	5200220411923	Agribank	DTTS, HNCN
36	Thào Mí Chá	H'Mông	Quản trị Kinh doanh K2024A	Kinh tế	24402020	5215205800668	Agribank	DTTS, HNCN
37	Trần Thị Thanh Nguyệt	Thái	Quản trị Kinh doanh K2024B	Kinh tế	24402094	5200220413459	Agribank	DTTS, HNCN
38	Triệu Thị Phương	Dao	Quản trị Kinh doanh K2024B	Kinh tế	24402107	5200220413810	Agribank	DTTS, HNCN
39	Lê Thị Thanh	Mường	Quản trị Kinh doanh K2024B	Kinh tế	24402118	5200220413970	Agribank	DTTS, HNCN
40	Nông Thị Hồng Gấm	Nùng	Quản trị Kinh doanh K2025A	Kinh tế	25402033	5200220472697	Agribank	DTTS, HNCN
41	Giàng Thị Hồng	H'Mông	Quản trị Kinh doanh K2025A	Kinh tế	25402046	5200220472782	Agribank	DTTS, HNCN
42	Lăng Thị Thu Nguyệt	Nùng	Quản trị Kinh doanh K2025B	Kinh tế	25402076	5200220460153	Agribank	DTTS, HNCN
43	Long Ngọc Bảo Châu	Tày	Tài chính Ngân hàng K2025	Kinh tế	25406006	5200220462120	Agribank	DTTS, HNCN
44	H Huê B'krông	Ê đê	Tài chính Ngân hàng K23	Kinh tế	23406065	5200220387710	Agribank	DTTS, HNCN
45	Y Duy Mlô	Ê đê	Giáo dục Chính trị K2024	Lý luận chính trị	24604009	5200220425096	Agribank	DTTS, HNCN
46	Hoàng Thị Vân Anh	Nùng	Giáo dục Chính trị K2024	Lý luận chính trị	24604001	5200220426683	Agribank	DTTS, HNCN
47	H Ra	Mnông	Giáo dục Chính trị K22	Lý luận chính trị	22604013	5200220359579	Agribank	DTTS, HNCN
48	Bàn Mùi Lai	Dao	Giáo dục Chính trị K23	Lý luận chính trị	23604007	5200220383413	Agribank	DTTS, HNCN
49	Ksor H Hồng	Jrai	Giáo dục Chính trị K23	Lý luận chính trị	23604005	5200220383370	Agribank	DTTS, HNCN
50	H Li Zen Ktul	Ê đê	Ngôn ngữ Anh K2024A	Ngoại ngữ	24702075	5200220402452	Agribank	DTTS, HNCN
51	Lâm Cẩm Diệu Hiền	Thái	Ngôn ngữ Anh K2024A	Ngoại ngữ	24702055	5200220402309	Agribank	DTTS, HNCN
52	Nông Thị Hải Yến	Nùng	Ngôn ngữ Anh K2024B	Ngoại ngữ	24702204	5200220426858	Agribank	DTTS, HNCN
53	Đàm Thị Huệ	NÙNG	Ngôn ngữ Anh K2025A	Ngoại ngữ	25702060	5200220459857	Agribank	DTTS, HNCN
54	Nguyễn Thị Hoài Thu	Tày	Ngôn ngữ Anh K2025B	Ngoại ngữ	25702154	5200220461547	Agribank	DTTS, HNCN
55	H Thương Ayun	Ê đê	Ngôn ngữ Anh K22A	Ngoại ngữ	22702007	5200220359800	Agribank	DTTS, HNCN
56	H Roai Kuan	Mnông	Ngôn ngữ Anh K23A	Ngoại ngữ	23702075	5211205232800	Agribank	DTTS, HNCN
57	H' Jô Lek Hđok	Ê đê	Ngôn ngữ Anh K23A	Ngoại ngữ	23702175	5200220388843	Agribank	DTTS, HNCN
58	Siu H Kler	Jrai	Bảo vệ Thực vật K2024	Nông nghiệp	24302037	5200220410654	Agribank	DTTS, HNCN
59	Y Nao Hiu Kriêng	Ê đê	Bảo vệ Thực vật K2024	Nông nghiệp	24302082	5200220429623	Agribank	DTTS, HNCN
60	Lương Anh Tiến	Mường	Bảo vệ Thực vật K2024	Nông nghiệp	24302059	5213205911180	Agribank	DTTS, HNCN
61	Y-SiMiths	Mnông	Chăn nuôi Thú y K2024	Nông nghiệp	24304017	5200220427532	Agribank	DTTS, HNCN
62	Nay Vi	Jrai	Chăn nuôi Thú y K23	Nông nghiệp	23304010	5200220380893	Agribank	DTTS, HNCN

63	Dương Ngọc Bảo	Nùng	Công nghệ Thực phẩm K2024	Nông nghiệp	24411002	5200220419490	Agribank	DTTS, HNCN
64	Triệu Thị Kính	Nùng	Công nghệ Thực phẩm K2025	Nông nghiệp	25411023	5200220457107	Agribank	DTTS, HNCN
65	Trần Thị Tới	nùng	Công nghệ Thực phẩm K22	Nông nghiệp	22411011	5200220364504	Agribank	DTTS, HNCN
66	K' Mik	Mạ	Lâm sinh K2024	Nông nghiệp	24306021	5200220428903	Agribank	DTTS, HNCN
67	Vàng Thị Rùa	H'Mông	Lâm sinh K2024	Nông nghiệp	24306027	5200220428949	Agribank	DTTS, HNCN
68	Sùng A Nụ	H'Mông	Lâm sinh K2025	Nông nghiệp	25306043	5200220471261	Agribank	DTTS, HNCN
69	Vàng Văn Tiến	Mông	Lâm sinh K22	Nông nghiệp	22306005	5200220366154	Agribank	DTTS, HNCN
70	Sùng A Vàng	Mông	Lâm sinh K22	Nông nghiệp	22306010	5200220388945	Agribank	DTTS, HNCN
71	A Hào	Xơ đăng	Lâm sinh K22	Nông nghiệp	22306004	5200220366131	Agribank	DTTS, HNCN
72	Y' Ngoan Byă	Ê đê	Quản lý Đất đai K2025	Nông nghiệp	25404009	5200220453056	Agribank	DTTS, HNCN
73	A Phiết	Xơ đăng	Quản lý Đất đai K2025	Nông nghiệp	25404087	5200220465808	Agribank	DTTS, HNCN
74	H Strep Niê	Ê đê	Quản lý Đất đai K2025	Nông nghiệp	25404052	5200220453266	Agribank	DTTS, HNCN
75	Y Jiê Hun Bkrông	Ê đê	Quản lý Đất đai K22	Nông nghiệp	22404027	5200220367265	Agribank	DTTS, HNCN
76	Rmah H' Nany	Jrai	Thú y K2024A	Nông nghiệp	24305090	5200220414480	Agribank	DTTS, HNCN
77	Tồn Lư Thanh Nhă	Chăm	Thú y K2024B	Nông nghiệp	24305098	5200220414655	Agribank	DTTS, HNCN
78	Vi Thị Dung	Nùng	Thú y K21A	Nông nghiệp	21305016	5200220333756	Agribank	DTTS, HNCN
79	Rơ Mah Thu	Jrai	Thú y K21A	Nông nghiệp	21305328	5200220341068	Agribank	DTTS, HNCN
80	Siu H' Danh	Jrai	Thú y K22A	Nông nghiệp	22305009	5200220349228	Agribank	DTTS, HNCN
81	Bế Văn Trường	Tày	Thú y K22A	Nông nghiệp	22305173	5200220366119	Agribank	DTTS, HNCN
82	Nay Cơ	Jrai	Thú y K23A	Nông nghiệp	23305016	5200220381164	Agribank	DTTS, HNCN
83	Siu Thị Lê A	Jrai	GD Tiểu học tiếng Jrai K2024	Sư phạm	24902001	5200220419318	Agribank	DTTS, HNCN
84	Lang Thị Thuý	Thái	GD Tiểu học tiếng Jrai K2024	Sư phạm	24902044	5200220420460	Agribank	DTTS, HNCN
85	Ksor H LiKa	Jrai	GD Tiểu học tiếng Jrai K2024	Sư phạm	24902023	5200220419990	Agribank	DTTS, HNCN
86	H' Ngân-Byă	Ê đê	GD Tiểu học tiếng Jrai K2024	Sư phạm	24902007	5200220419511	Agribank	DTTS, HNCN
87	Li Xa Ber	Xơ đăng	GDTiểu học tiếng Jrai K22	Sư phạm	22902002	5200220363060	Agribank	DTTS, HNCN
88	Ksor H Hang	Jrai	Giáo dục Mầm non K2024A	Sư phạm	24903048	5200220421440	Agribank	DTTS, HNCN
89	Bùi Thị Huệ	Mường	Giáo dục Mầm non K2024A	Sư phạm	24903060	5200220421594	Agribank	DTTS, HNCN
90	H Duyên	Mnông	Giáo dục Mầm non K2024A	Sư phạm	24903032	5200220421168	Agribank	DTTS, HNCN
91	Kpă Phạm H' Dung	Jrai	Giáo dục Mầm non K2024A	Sư phạm	24903027	5200220421095	Agribank	DTTS, HNCN
92	Thị Dương	Mnông	Giáo dục Mầm non K2024A	Sư phạm	24903028	5200220421302	Agribank	DTTS, HNCN
93	H ' Ánh Nguyệt Niê	Ê đê	Giáo dục Mầm non K2024B	Sư phạm	24903113	5200220422653	Agribank	DTTS, HNCN
94	H Mi La Niê	Mnông	Giáo dục Mầm non K2024B	Sư phạm	24903115	5200220422699	Agribank	DTTS, HNCN
95	H' Sao Zin Kpă	Jrai	Giáo dục Mầm non K2024B	Sư phạm	24903075	5200220421752	Agribank	DTTS, HNCN
96	KSor H'Tâm Lan	Jrai	Giáo dục Mầm non K2024B	Sư phạm	24903078	5200220421775	Agribank	DTTS, HNCN
97	Thào Thị Khi	H'Mông	Giáo dục Mầm non K2024B	Sư phạm	24903070	5200220421696	Agribank	DTTS, HNCN
98	Siu H' Yên	Jrai	Giáo dục Mầm non K2024C	Sư phạm	24903193	5200220424195	Agribank	DTTS, HNCN

99	Nay H Yuk	Jrai	Giáo dục Mầm non K2024C	Sư phạm	24903196	5200220424274	Agribank	DTTS, HNCN
100	H Noã Triêk	Mnông	Giáo dục Mầm non K2024C	Sư phạm	24903173	5200220423787	Agribank	DTTS, HNCN
101	Triệu Thị Thanh Thuý	Nùng	Giáo dục Mầm non K2024C	Sư phạm	24903147	5200220423105	Agribank	DTTS, HNCN
102	Siu H' Thư	Jrai	Giáo dục Mầm non K2024C	Sư phạm	24903153	5200220423163	Agribank	DTTS, HNCN
103	Hoàng Thị Bích Duyên	Nùng	Giáo dục Mầm non K2025A	Sư phạm	25903039	5200220455436	Agribank	DTTS, HNCN
104	Siu H' Đuê	Jrai	Giáo dục Mầm non K2025A	Sư phạm	25903047	5200220455509	Agribank	DTTS, HNCN
105	H Rô Na Bdap	Ê đê	Giáo dục Mầm non K2025A	Sư phạm	25903024	5200220455290	Agribank	DTTS, HNCN
106	R'ô H' Lanh	Jrai	Giáo dục Mầm non K2025A	Sư phạm	25903060	5200220455731	Agribank	DTTS, HNCN
107	Trương Thị Mỹ Linh	Nùng	Giáo dục Mầm non K2025B	Sư phạm	25903090	5200220456235	Agribank	DTTS, HNCN
108	H' Vi Na Knul	Mnông	Giáo dục Mầm non K2025B	Sư phạm	25903079	5200220456054	Agribank	DTTS, HNCN
109	Nông Thị An Na	Tày	Giáo dục Mầm non K2025B	Sư phạm	25903115	5200220456518	Agribank	DTTS, HNCN
110	Phạm Thị Hoàng Nhi	Ba na	Giáo dục Mầm non K2025B	Sư phạm	25903127	5200220456813	Agribank	DTTS, HNCN
111	Hà Thị Bích Liên	Tày	Giáo dục Mầm non K2025B	Sư phạm	25903084	5200220466557	Agribank	DTTS, HNCN
112	Ksor H Yim	Jrai	Giáo dục Mầm non K2025C	Sư phạm	25903190	5023205268053	Agribank	DTTS, HNCN
113	Cao Thị Thuý Phương	Mường	Giáo dục Mầm non K2025C	Sư phạm	25903142	5200220457086	Agribank	DTTS, HNCN
114	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Tày	Giáo dục Mầm non K2025C	Sư phạm	25903177	5200220458095	Agribank	DTTS, HNCN
115	H Thiên Niê	Ê đê	Giáo dục Mầm non K2025C	Sư phạm	25903137	5200220456967	Agribank	DTTS, HNCN
116	Nông Hải Yên	Nùng	Giáo dục Mầm non K2025C	Sư phạm	25903189	5200220458299	Agribank	DTTS, HNCN
117	Nguyễn Thị Thu	Mường	Giáo dục Mầm non K2025C	Sư phạm	25903151	5200220457381	Agribank	DTTS, HNCN
118	Nông Thị Trang	Nùng	Giáo dục Mầm non K2025C	Sư phạm	25903169	5200220466642	Agribank	DTTS, HNCN
119	H Bô Lin Mlô	Ê đê	Giáo dục Mầm non K21	Sư phạm	21903056	5200220339507	Agribank	DTTS, HNCN
120	Ksor H' Nhuên	Jrai	Giáo dục Mầm non K22	Sư phạm	22903051	5200220361088	Agribank	DTTS, HNCN
121	Siu H' Thăm	Jrai	Giáo dục Mầm non K22	Sư phạm	22903068	5200220361223	Agribank	DTTS, HNCN
122	Đinh Thị Nhung	Mường	Giáo dục Mầm non K22	Sư phạm	22903052	5200220361094	Agribank	DTTS, HNCN
123	H Bra Niê	Ê đê	Giáo dục Mầm non K23	Sư phạm	23903061	5200220378538	Agribank	DTTS, HNCN
124	Vi Thị Ngọc Huyền	Thái	Giáo dục Mầm non K23	Sư phạm	23903030	5200220377570	Agribank	DTTS, HNCN
125	Siu Yunny	Jrai	Giáo dục Mầm non K23	Sư phạm	23903100	5200220379690	Agribank	DTTS, HNCN
126	Ksor H'Nang	Jrai	Giáo dục Mầm non K23	Sư phạm	23903054	5200220378328	Agribank	DTTS, HNCN
127	Ksor H' Nguyệt	Jrai	Giáo dục Mầm non K23	Sư phạm	23903057	5200220378413	Agribank	DTTS, HNCN
128	Hồ Thị Thương	H'Mông	Giáo dục Thể chất K2025	Sư phạm	25605063	5200220450954	Agribank	DTTS, HNCN
129	Rmah phong	Jrai	Giáo dục Thể chất K2025	Sư phạm	25605046	5200220450671	Agribank	DTTS, HNCN
130	Lý Ngọc Thanh	Mông	Giáo dục Thể chất K2025	Sư phạm	25605054	5200220450823	Agribank	DTTS, HNCN
131	Ksor Ky	Jrai	Giáo dục Thể chất K2025	Sư phạm	25605029	5200220450484	Agribank	DTTS, HNCN
132	Nông Thị Hậu	Nùng	Giáo dục Tiểu học K2024A	Sư phạm	24901037	5200220427158	Agribank	DTTS, HNCN
133	H' Bam	Mạ	Giáo dục Tiểu học K2024A	Sư phạm	24901009	5200220415483	Agribank	DTTS, HNCN
134	H Sô Nia Bôk	Mnông	Giáo dục Tiểu học K2024A	Sư phạm	24901011	5200220415540	Agribank	DTTS, HNCN

135	Lưu Bảo Như Byă	Ê đê	Giáo dục Tiểu học K2024A	Sư phạm	24901017	5200220415693	Agribank	DTTS, HNCN
136	Luân Thị Kim Huệ	Nùng	Giáo dục Tiểu học K2024A	Sư phạm	24901045	5200220416310	Agribank	DTTS, HNCN
137	Vàng Seo Khoa	Mông	Giáo dục Tiểu học K2024A	Sư phạm	24901049	5200220416378	Agribank	DTTS, HNCN
138	Lương Thị Minh Xuân	Nùng	Giáo dục Tiểu học K2024B	Sư phạm	24901144	5200220419114	Agribank	DTTS, HNCN
139	Đinh Thị Nhiên	Mường	Giáo dục Tiểu học K2024B	Sư phạm	24901088	5200220417539	Agribank	DTTS, HNCN
140	Hoàng Thị Đất	H'Mông	Giáo dục Tiểu học K2025A	Sư phạm	25901017	5200220452893	Agribank	DTTS, HNCN
141	Y - Thuyết Bkrông	Ê đê	Giáo dục Tiểu học K2025A	Sư phạm	25901009	5200220466222	Agribank	DTTS, HNCN
142	Đinh Thị Hoa	Mường	Giáo dục Tiểu học K2025A	Sư phạm	25901029	5200220453272	Agribank	DTTS, HNCN
143	Ksor H' Lim	Jrai	Giáo dục Tiểu học K2025A	Sư phạm	25901047	5200220453401	Agribank	DTTS, HNCN
144	Vương Thị Hồng Hạnh	Nùng	Giáo dục Tiểu học K2025A	Sư phạm	25901023	5200220452943	Agribank	DTTS, HNCN
145	Na Yit	Ba na	Giáo dục Tiểu học K2025B	Sư phạm	25901146	5200220454269	Agribank	DTTS, HNCN
146	Triệu Thị Mộng Quỳnh	Nùng	Giáo dục Tiểu học K2025B	Sư phạm	25901093	5200220466324	Agribank	DTTS, HNCN
147	Lương Thị Nhung	Thái	Giáo dục Tiểu học K22	Sư phạm	22901034	5200220364250	Agribank	DTTS, HNCN
148	H - Diểu Niê	Ê đê	Giáo dục Tiểu học K22	Sư phạm	22901039	5200220364300	Agribank	DTTS, HNCN
149	Y Hạnh	Tơ - Đra	Giáo dục Tiểu học K22	Sư phạm	22901064	5110205084185	Agribank	DTTS, HNCN
150	Rô Xi	Xơ đăng	Giáo dục Tiểu học K22	Sư phạm	22901058	5200220364477	Agribank	DTTS, HNCN
151	H Khuyên Mlô	Ê đê	Giáo dục Tiểu học K23	Sư phạm	23901033	5200220374928	Agribank	DTTS, HNCN
152	Ksor Thủy Tinh	Jrai	Giáo dục Tiểu học K23	Sư phạm	23901060	5200220375530	Agribank	DTTS, HNCN
153	Ksor H Ayun	Jrai	Giáo dục Tiểu học K23	Sư phạm	23901005	5200220386650	Agribank	DTTS, HNCN
154	Lê Thị Hương Giang	Mường	Giáo dục Tiểu học K23	Sư phạm	23901014	5200220374356	Agribank	DTTS, HNCN
155	R'ô H'Lina	Jrai	Giáo dục Tiểu học K23	Sư phạm	23901037	5200220375018	Agribank	DTTS, HNCN
156	Phạm Thị Phụng	Nùng	Sư phạm Ngữ văn K2024	Sư phạm	24601018	5200220412479	Agribank	DTTS, HNCN
157	H' Uyên	Mạ	Sư phạm Ngữ văn K2024	Sư phạm	24601023	5200220412587	Agribank	DTTS, HNCN
158	Vì Thị Khánh Uyên	Thái	Sư phạm Ngữ văn K2025	Sư phạm	25601048	5200220449984	Agribank	DTTS, HNCN
159	Thạch Thị Quê Hương	Chăm	Sư phạm Ngữ văn K22	Sư phạm	22601019	5200220358048	Agribank	DTTS, HNCN
160	Y Hiếu Teh	Mnông	Sư phạm Ngữ văn K22	Sư phạm	22601034	5200220364845	Agribank	DTTS, HNCN
161	Y-Kô Lin-Niê	Ê đê	Tâm lý học giáo dục K2024	Sư phạm	24904039	5200220429436	Agribank	DTTS, HNCN
162	H' Ly Xa Mlô	Ê đê	Văn học K2024	Sư phạm	24607033	5200220414865	Agribank	DTTS, HNCN
163	Vương Thị Ngoan	Nùng	Văn học K2024	Sư phạm	24607037	5200220414888	Agribank	DTTS, HNCN
164	H Diểu Niê	Ê đê	Văn học K2024	Sư phạm	24607034	5200220429249	Agribank	DTTS, HNCN
165	H Hoa Buôn Jôk	Mnông	Văn học K2025	Sư phạm	25607015	5200220451181	Agribank	DTTS, HNCN
166	Trương Mỹ Hoa	Mường	Văn học K2025	Sư phạm	25607013	5200220451169	Agribank	DTTS, HNCN
167	H Săn DRa Byă	Ê đê	Văn học K23	Sư phạm	23607008	5200220372288	Agribank	DTTS, HNCN
168	Triệu Thị Thanh Vân	Tày	Điều dưỡng K2024	Y Dược	24309051	5200220401306	Agribank	DTTS, HNCN
169	H Ừn Niê	Ê đê	Điều dưỡng K2024	Y Dược	24309035	5200220427339	Agribank	DTTS, HNCN
170	H' Truyền	Mnông	Điều dưỡng K2025	Y Dược	25309053	5200220441533	Agribank	DTTS, HNCN

171	RahLan H' Muanh	Jrai	Điều dưỡng K21	Y Dược	21309061	5200220322402	Agribank	DTTS, HNCN
172	Mông A Thiên	Nùng	Điều dưỡng K22	Y Dược	23309044	5200220378810	Agribank	DTTS, HNCN
173	Rơ Châm Hik	Jrai	Điều dưỡng K22	Y Dược	23309009	5200220353406	Agribank	DTTS, HNCN
174	Kpă H' Thuyết	Jrai	Điều dưỡng K23	Y Dược	23309059	5200220387414	Agribank	DTTS, HNCN
175	Siu H' Lan	Jrai	Điều dưỡng K23	Y Dược	23309066	5023205246117	Agribank	DTTS, HNCN
176	Đinh Thị Vân	Ba na	KT xét nghiệm y học K23	Y Dược	23311055	5200220380806	Agribank	DTTS, HNCN
177	Nay H' Uin	Jrai	KT xét nghiệm y học K23	Y Dược	23311054	5200220380791	Agribank	DTTS, HNCN
178	H Anh Hà Êban	Ê đê	KT xét nghiệm y học K23	Y Dược	23311008	5200220379235	Agribank	DTTS, HNCN
179	Phạm Văn An	Mường	Y khoa K2024A	Y Dược	24307004	5200220404379	Agribank	DTTS, HNCN
180	Lương Thị Phương Thảo	Thái	Y khoa K2024C	Y Dược	24307183	5200220409792	Agribank	DTTS, HNCN
181	Từ Thị Mẫn Nghi	Chăm	Y khoa K20A	Y Dược	20307020	5200220306231	Agribank	DTTS, HNCN
182	Hà Thị Xuân Hào	Tày	Y khoa K20A	Y Dược	20307009	5304205184538	Agribank	DTTS, HNCN
183	Hải Nữ Hoàng Linh	Chăm	Y khoa K20A	Y Dược	20307014	5200205057359	Agribank	DTTS, HNCN
184	Sùng A Thái	H'Mông	Y khoa K21C	Y Dược	21307178	5200220331301	Agribank	DTTS, HNCN
185	H Thâm Niê	Ê đê	Y khoa K21D	Y Dược	21307156	5200220342206	Agribank	DTTS, HNCN
186	RMah H' Nhuin	Jrai	Y khoa K21D	Y Dược	21307149	5200220342140	Agribank	DTTS, HNCN
187	Lê Thanh Hoài	Hroi	Y khoa K21D	Y Dược	21307084	1603205677362	Agribank	DTTS, HNCN
188	Trương Mỹ Ngọc Dự	Chăm	Y khoa K22A	Y Dược	22307027	5200220352120	Agribank	DTTS, HNCN
189	Nông Thị Ánh Đào	Tày	Y khoa K22A	Y Dược	22307029	5200220352150	Agribank	DTTS, HNCN
190	Châu Quốc Cường	Chăm	Y khoa K22A	Y Dược	22307014	5200220351866	Agribank	DTTS, HNCN
191	Châu Thị Khánh Trắng	Chăm	Y khoa K22C	Y Dược	22307175	5200220352954	Agribank	DTTS, HNCN
192	RCom Than	Jrai	Y khoa K22C	Y Dược	22307151	5200220352709	Agribank	DTTS, HNCN
193	Ksor H' Sơ Un	Jrai	Y khoa K22C	Y Dược	22307196	5023205230537	Agribank	DTTS, HNCN
194	Văn Hiếu Gia Phong	Chăm	Y khoa K23B	Y Dược	23307133	5200220375409	Agribank	DTTS, HNCN
195	H' Nut Byă	Ê đê	Y khoa K21A	Y Dược	21307049	5200220304350	Agribank	DTTS, HNCN

Danh sách có: 195 sinh viên.